TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 42/2023/HNGĐ - ST. Ngày: 24/3/2023. V/v: Ly hôn,Tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mùa A Phềnh;

2. Ông Phan Thanh Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 24/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST – HNGĐ ngày 01/02/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXX - ST ngày 08/3/2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Y – Sinh năm 1988 "có mặt".

Trú tại: Thôn S P, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1984 "vắng mặt".

NĐKHKTT: Thôn S P, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Hiện nay: Đang chấp hành án tại đội 27, phân trại 01, trại giam Yên Hạ, Cục C10, bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 31/01/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Vũ Thị Y (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Phúc lấy nhau từ ngày 04/4/2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Phúc nghiện ma túy, sau đó chồng tôi vi phạm pháp luật về tội "Tàng trữ trái phép các chất ma túy" và bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 05 năm 06 tháng tù. Hiện nay đang chấp hành án tại đội 27, phân trại 01, trại giam Yên Hạ, cục C10 bộ Công an. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi làm đơn này xin được đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phúc.

2. Về con chung: Chị Yến khai vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nhật Minh, sinh ngày 20/6/2014 và cháu Trần Thị Thùy Trang, sinh ngày 16/10/2006.

Các cháu đang là học sinh và sống chung với tôi, tôi có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi hai con, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai của hai cháu Trần Nhật Minh và Trần Thị Thùy Trang đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh Trần Văn P (bị đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Yến lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Chúng tôi kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 - 2016 có vài lần mâu thuẫn nhỏ nhưng không nghiêm trọng. Do tôi vi phạm pháp luật và đang chấp hành án, nên cô Yến làm đơn xin ly hôn, tôi mong Tòa án tạo điều kiện cho tôi để sau khi chấp hành án xong sẽ về giải quyết.

2. Về con chung: Anh Phúc công nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Nhật Minh, sinh ngày 20/6/2014 và cháu Trần Thị Thùy Trang, sinh ngày 16/10/2006.

Các cháu đang đi học, nguyện vọng của tôi là sau khi chấp hành án xong tôi sẽ tự nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Yến phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Yến đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005122 ngày 01/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét xử tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Vũ Thị Y, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Yến xin ly hôn với anh Phúc, anh Phúc có hộ khẩu thường trú tại xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Yến và anh phúc kết hôn năm 2006, đến năm 2023 thì chị Yến khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Y và anh Trần Văn P lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Phúc nghiện ma túy, sau đó vi phạm pháp luật và đang chấp hành án. Hiện nay chị Yến thấy không còn tình với anh Phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đã làm đơn xin ly hôn, anh Phúc chưa đồng ý ly hôn, với lý do là hiện nay đang phải chấp hành án tại Sơn La và chờ khi nào chấp hành án xong mới giải quyết. Do lý do anh Phúc nêu ra không có trong quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên ý kiến của anh Phúc không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa chị Yến vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết

cho chị được ly hôn với anh Phúc. Chị Yến đơn phương xin ly hôn là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Trần Nhật Minh, sinh ngày 20/6/2014 và cháu Trần Thị Thùy Trang, sinh ngày 16/10/2006.

Các cháu đang đi học, chị Yến có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con và cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị Yến và giao hai con chung cho chị Yến trực tiếp chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Yến phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Yến đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005122 ngày 01/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

[8]. Đối với việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, do hiện nay bị đơn phải chấp hành án ở Sơn La, không có điều kiện tham gia phiên tòa được và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228/BLTTDS và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên xử: Cho chị Vũ Thị Y được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Yến giao 02 con chung là Trần Nhật Minh, sinh ngày 20/6/2014 và cháu Trần Thị Thùy Trang, sinh ngày 16/10/2006 cho chị Yến nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Yến không yêu cầu anh Phúc phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về Tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Yến phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Yến đã

nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005122 ngày 01/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Yến đã nộp đủ tiền án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS; Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N H, H ĐB;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Mùa A Phềnh	Lường Văn Lương	Phan Thanh Bắc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N H, H ĐB;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Trần Văn Sơn	Lường Văn Lương	Phan Thanh Bắc